

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
Tên tiếng Anh:	LICOGI 166 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LICOGI 166
Mã chứng khoán:	LCS
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	04. 222 50718 Fax: 04. 222 50716
Website:	www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp:	0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp idô lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014
Vốn điều lệ	76.000.000.000 đồng (<i>Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn</i>)
Số tài khoản:	2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội

Logo Công ty:



2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động chính của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629 ngày 4/12/2014 (thay đổi lần thứ 11), Công ty CP Licogi 166 đăng ký hoạt động đa ngành nghề, tuy nhiên hiện trọng tâm hoạt động của Công ty hướng vào các lĩnh vực chính sau đây:

- Thi công xây dựng hạ tầng (*trọng tâm là xây lắp hạ tầng cấp thoát nước, đường giao thông, công trình thủy lợi*);
- Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và sản xuất đá xây dựng);
- Thi công các công trình điện (*Trọng tâm là đường dây và trạm*).

3. Những sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển.

- Ngày 18/5/2007, Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại Ô số 1, Lô 4, Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.
- Tháng 7/2010, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.
- Ngày 06/7/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.
- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
- Tháng 7/2012, Hoàn thành thi công đập dâng Công trình thủy điện Bản Chát với Khối lượng 1,6 triệu m³ bê tông đầm lăn (RCC).
- Tháng 10/2012, Công ty thực hiện việc sáp nhập Công ty LICOGI 16.9 vào Công ty Cổ phần 16.6 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Licogi 166.
- Tháng 6/2013 Công ty Cổ phần Licogi 166 hoàn thành việc thoái vốn khỏi công ty CP Sông Đà Cao Cường thông qua việc bán 890.000 Cổ phiếu SCL.
- Tháng 12 năm 2014, Công ty tiến hành tái cấu trúc toàn diện: Định hướng tập trung vào 3 lĩnh vực hoạt động chính: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, giao thông; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công xây lắp các công trình điện. Đồng thời tiến hành bố trí sắp xếp lại các vị trí lãnh đạo cấp cao, cơ cấu lại các Phòng ban, tinh giản bộ máy nhân sự; triển khai rà soát sửa đổi, bổ sung các quy trình Quản lý; thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động; tăng cường công tác huấn luyện đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao; Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm ...
- Năm 2015 với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban điều hành và tập thể CBCNV công ty, những kết quả của công tác tái cấu trúc đã bước đầu phát huy

tác dụng, Công ty đã khôi phục được đà tăng trưởng, các Phòng ban, BDH dự án của Công ty hoạt động thực sự hiệu quả, chuyên nghiệp, công tác tìm kiếm việc làm có nhiều kết quả khả quan khi tổng giá trị hợp đồng xây lắp ký được trong năm đạt trên 400 tỷ VNĐ ...

- Năm 2016 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng có được từ năm trước, ngay từ đầu năm, Công ty đã có nhiều dự án lớn cùng triển khai. Bên cạnh đó, nhiều dự án tiềm năng có cơ hội trúng thầu và khởi công trong năm, Cuối năm 2016, chúng đã giành được hợp đồng lớn xây dựng hạ tầng tại Hà Nội theo hình thức đầu tư BT và đang có cơ hội giành tiếp được hợp đồng thứ 2. Đó cũng là nguồn công việc ổn định để cán bộ công nhân viên Công ty yên tâm sản xuất năm 2017.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là Chi nhánh của Công ty CP Licogi 16 tại Hà Nội. Licogi 166 được kế thừa và phát huy nền tảng kiến thức, kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, xây lắp (đặc biệt các công trình Giao thông, thủy lợi, thủy điện, cơ điện...);

Bằng nội lực của đơn vị và sự kế thừa kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16, Licogi 166 đã tổ chức thi công bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao được Chủ đầu tư và các tổ chức Tư vấn đánh giá cao tại Dự án thủy điện Bản Chát; hiện Licogi 166 đang thực hiện thi công xây lắp Dự án có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như Dự án luồng cho tàu có tải trọng lớn vào Sông Hậu (gói thầu số 6B), Dự án BOT quốc lộ 38 (gói thầu số 11 và gói thầu số 12), Dự án đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn (gói thầu số 5 và số 6), Dự án thi công xây dựng hệ thống công nổi Hồ Vực Hồ Đầu Bàng và Hồ Tư Đình thuộc địa bàn quận Long Biên Hà Nội.

Trong lĩnh vực đầu tư sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: Sau một thời gian đình vướng mắc về thủ tục, quá trình chuẩn bị cho công tác khai thác, đến nay công ty đã ký kết được đơn hàng xuất khẩu đi Bangladesh – Mô đá Licogi 166 là dự án được kỳ vọng đóng góp một phần doanh thu lớn cho công ty năm 2017.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Năm 2016 tương như đã là một năm mang lại nhiều thuận lợi khi ngay từ đầu năm, Công ty đã có nhiều dự án lớn cùng triển khai. Bên cạnh đó, nhiều dự

án tiềm năng có cơ hội trúng thầu và khởi công trong năm. Tuy nhiên trên thực tế, Hạ Long - Vân Đồn, Dự án lớn nhất của chúng ta đã không diễn ra như mong đợi: Nhà đầu tư điều chuyển khối lượng; giá trị thực tế giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công thấp hơn giá trị hợp đồng và việc bàn giao mặt bằng rất chậm. Bên cạnh đó, dự án tiềm năng Bắc Giang – Lạng Sơn mặc dù đã đạt thỏa thuận nguyên tắc nhưng không được khởi công đúng lịch, do có sự thay đổi từ Nhà đầu tư. Trong khi mở đá vẫn chưa tìm được khách hàng cho đầu ra.

Đứng trước tình hình đó, Ban lãnh đạo quyết liệt chỉ đạo tập trung sản xuất, lấy khối lượng và giá trị ở những dự án khác để bù đắp, đồng thời đẩy nhanh công tác thu hồi vốn, thanh toán công nợ, củng cố, thu xếp nguồn vốn để đầu tư và phục vụ sản xuất, duy trì hoạt động ổn định của Công ty.

Song song với đó là việc tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao kỹ năng, năng lực xây lắp thông qua việc:

- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh, thích nghi với sự biến động rất lớn trong thị trường xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT.
- Tiếp tục bổ sung nhân sự có chất lượng về các Phòng ban, các Ban điều hành;
- Đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc cho cán bộ, nhân viên, xây dựng và ban hành các quy trình quản lý và quyết liệt chỉ đạo thực hiện;
- Đầu tư máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thực hiện các dự án;

Cho tới hôm nay, những nỗ lực của Ban lãnh đạo đã cho kết quả tốt đẹp. Cuối năm 2016, chúng ta đã giành được hợp đồng lớn xây dựng hạ tầng tại Hà Nội theo hình thức đầu tư BT và đang có cơ hội giành tiếp được hợp đồng thứ 2. Đó cũng là nguồn công việc ổn định để cán bộ công nhân viên Công ty yên tâm sản xuất năm 2017.

Để đạt được kết quả đó, HĐQT, Ban TGD đã nỗ lực, quyết liệt thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể:

1. Tìm kiếm việc làm:

Vấn biết, nếu không có việc làm thì sẽ không có gì cả, tuy nhiên trong giai đoạn cạnh tranh ngày càng khốc liệt hiện nay, để có được 1 hợp đồng là không dễ dàng. Không chỉ có mối quan hệ tốt, chịu khó đi, chịu khó tìm tòi; không chỉ có năng lực thi công thực sự đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư mà mỗi doanh nghiệp còn phải có lượng tài chính dồi dào, sẵn sàng vào cuộc. Nếu không có sự

manh dạn dám nghĩ dám làm của người Lãnh đạo, nếu không có sự đồng lòng, chia sẻ của các cán bộ quản lý, sẽ rất khó để thu xếp ổn thỏa tài chính đáp ứng yêu cầu.

Cho đến hết năm 2016, giá trị hợp đồng chúng ta đã ký được đạt hơn 134 tỷ đồng. Hiện tại Ban lãnh đạo Công ty đang tiếp tục đàm phán để ký tiếp hợp đồng Gói 2 cùng dự án có giá trị khoảng 52,5 tỷ đồng.

Ngoài ra còn các dự án tiềm năng khác, tổng giá trị hợp đồng dự kiến ký được trong năm 2017 đạt 500 tỷ đồng.

Đây sẽ là nguồn công việc dồi dào, cho những tính toán của chúng ta trên con đường chinh phục mục tiêu 5 năm tiếp theo.

2. Công tác xây dựng nguồn nhân lực:

Có được việc làm đã khó, xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu quản lý và sản xuất cũng không kém phần quan trọng.

Năm 2016, Phòng TCHC Công ty bận rộn hơn bao giờ hết. Nhiều nhân sự chủ chốt có chất lượng được đưa về, tạo nên một lực lượng thi công khá hùng hậu. Chúng ta tự hào vì trong một quãng thời gian rất ngắn, lại đúng vào dịp Tết cổ truyền, chúng ta đã triển khai thi công đồng loạt dự án công hợp Long Biên với giá trị sản lượng rất lớn, tạo được niềm tin cho Nhà đầu tư và các đối tác.

Đào thải là quá trình tất yếu của sự phát triển. Song song với việc tuyển dụng nhân sự mới, chúng ta cũng liên tục đào thải, thay thế những nhân sự không còn phù hợp, già cỗi và hết động lực. Tạo nên một môi trường làm việc ngày càng chuyên nghiệp và năng động hơn.

3. Công tác củng cố tài chính:

Xác định tài chính là một khâu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nên ngay từ đầu, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD đã luôn chủ động trong việc chuẩn bị thu xếp nguồn tài chính, bằng việc:

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, song song với đó là tổ chức nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn.

- Huy động nguồn vốn nhân rồi trong cán bộ công nhân viên Công ty trong từng thời điểm. Đây là bước đi sáng tạo và quan trọng, góp phần nâng cao năng lực tài chính và tạo niềm tin với các tổ chức tín dụng.

- Duy trì mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng. Đến nay chúng ta đã xây dựng được tổng hạn mức tín dụng cho công tác

bảo lãnh lên đến 150 tỷ đồng, hạn mức tiền vay ngắn hạn lên đến 60 tỷ đồng, góp phần ổn định nguồn tài chính phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Củng cố và tăng cường năng lực thiết bị:

Song song với việc xây dựng hệ thống, con người, củng cố tài chính, công tác củng cố và tăng cường năng lực thiết bị cũng được Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm.

Cho đến thời điểm hiện nay, tổng giá trị thiết bị của Công ty đã lên đến 93,3 tỷ đồng, trong đó năm 2016 đầu tư 20,7 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu thiết bị phục vụ thi công nền đường, tiến tới hoàn thiện dần thiết bị đủ thi công toàn bộ các công đoạn của công trình giao thông.

5. Xây dựng các chính sách với người lao động:

Xác định, con người là nhân tố quyết định đến mọi thành bại của bất kỳ tổ chức nào, Ban lãnh đạo công ty đã nhất quán chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, cải thiện môi trường làm việc, quan tâm giải quyết tốt chế độ chính sách của người lao động.

Năm 2016, Công ty đã tổ chức chương trình đào tạo tại chỗ xây dựng chiến lược kinh doanh BSC và KPI, gửi cán bộ cấp trung đi đào tạo các khóa ngắn hạn, góp phần cải thiện trình độ lý luận, quản lý cũng như nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ.

Việc tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, cùng với Công đoàn thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ... được duy trì, đó là nguồn động viên lớn, tạo sự gắn gũi, gắn kết của mỗi thành viên với nhau và với ngôi nhà chung Licogi 166 của chúng ta.

Với tất cả những tính toán và bước đi trên, năm 2016 chúng ta đã đạt được những kết quả như sau:

- Dự án cái tại mở rộng Quốc lộ 1A đã cơ bản hoàn thành thủ tục quyết toán.
- Dự án Kè Sông Hậu, Trung tâm thông tin miền Trung Tây nguyên đã hoàn tất thi công.
- Dự án Quốc lộ 38 đã hoàn thành thi công, hồ sơ hoàn công và thanh toán được phần lớn giá trị xây lắp hoàn thành.

- Dự án Hạ Long Vân Đồn đã hoàn thành thi công nền và các công trình trên tuyến Gói 6. Nếu không có sự điều chỉnh thiết kế của Chủ đầu tư, đến nay có thể đã hoàn thành mặt đường.

- Dự án thi công tuyến cống Long Biên đang quyết liệt thực hiện. Tại thời điểm này, giá trị sản lượng đã đạt khoảng 70 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó, Dự án đầu tư mỏ đá Licogi 166 tại Kỳ Anh Hà Tĩnh đã có những tín hiệu khả quan. Nhiều bạn hàng đã tìm đến, và hiện tại chúng ta đã có những thỏa thuận đầu tiên, theo đó khách hàng đặt mua ổn định đá do chúng ta khai thác và sản xuất trong 3 năm với sản lượng hàng triệu mét khối.

- Tổng giá trị sản lượng năm 2016 đạt : 173,23 tỷ đồng.

- Tổng doanh thu đạt năm: 163,12 tỷ đồng.

- Lợi nhuận đạt: 0,65 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân: 8,0 triệu VNĐ/người/tháng

Những con số trên đây tuy còn khiêm tốn, nhưng cũng cần khách quan ghi nhận sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng Công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà Công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thống nhất định hướng hoạt động của Công ty tập trung vào 2 lĩnh vực chính là: Thi công xây lắp hạ tầng (*trọng tâm là xây lắp hạ tầng cấp thoát nước, đường giao thông, công trình thủy lợi*); Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và sản xuất đá xây dựng).

Cùng với đó Công ty hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ trung năng động, đầy nhiệt huyết khát khao cống hiến có trình độ chuyên môn, kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1. Tầm nhìn:

- *Trở thành một doanh nghiệp có uy tín, có vị thế trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng, mang tới sự hài lòng cho khách hàng.*

2. Sứ mệnh:

- *Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo*

dựng sức mạnh tập thể, mang lại cuộc sống đầy đủ về vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, mang lại lợi ích cho các cổ đông và có trách nhiệm với cộng đồng.

3. Định hướng và chiến lược phát triển:

Phát triển hoạt động của công ty vào 2 lĩnh vực chính gồm: Thi công xây dựng các công trình hạ tầng (đường giao thông, hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng).

- Không ngừng nâng cao sức mạnh nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng nhằm duy trì sự phát triển ổn định của công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

- Xây dựng các kênh thông tin và mở rộng mối quan hệ với đối tác, khách hàng để tìm kiếm, tiếp cận và dành được các dự án mới đem lại việc làm và doanh thu cho công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Licogi 166;

- Kiên định mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các Cổ đông và cho các thành viên trong Công ty.

PHẦN II

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Sản lượng	173,231 Tỷ VNĐ
2	Doanh thu	162,962 Tỷ VNĐ
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	650 Triệu VNĐ
5	Vốn điều lệ lưu hành	76 tỷ VNĐ

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

Năm 2016 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, trong bối cảnh đó HĐQT và Ban điều hành đã không ngừng tìm kiếm các giải pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao nhằm mục tiêu khôi phục đà tăng trưởng của công ty như những năm trước đây. Với những kết quả đạt được tuy chưa đạt 100% so với kế hoạch đề ra nhưng kết quả đạt được là rất đáng khích lệ.

2.1 Trong hoạt động thi công xây lắp:

- Dự án Quốc lộ 38 đã hoàn thành công tác thi công và bàn giao cho Chủ đầu tư.

- Dự án Hạ Long Vân Đồn tiếp tục triển khai thi công 02 gói thầu số 05&06 đóng góp 1 phần mang lại doanh thu chính cho năm 2016.

- Bên cạnh đó, Dự án đầu tư mỏ đá Licogi 166 tại Kỳ Anh Hà Tĩnh sau một thời gian đình trệ do thủ tục đầu tư đã được cấp phép vào cuối năm 2015, năm 2016 đã đi vào sản xuất quy mô lớn. Ngoài việc cung cấp đá xây dựng ra thị trường trong nước Hiện Công ty đã ký kết được hợp đồng xuất khẩu sang thị trường Bangladesh.

2.2 Công tác đầu tư:

Stt	Đầu tư cho Công trình/hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Mỏ đá Licogi 166	199.700.000	
2	Xe máy, thiết bị công trình	20.477.051.696	
	Tổng cộng	20.676.751.696	

2.3 Công tác tổ chức nhân sự:

- Xác định, con người là nhân tố quyết định đến mọi thành bại của bất kỳ tổ chức nào, Ban lãnh đạo công ty đã nhất quán chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, cải thiện môi trường làm việc, quan tâm giải quyết tốt chế độ chính sách của

người lao động. Năm 2016 vừa qua, một mặt Công ty tiến hành việc sắp xếp lại cơ cấu nhân sự trong toàn công ty để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nâng cao hiệu quả làm việc của từng cá nhân người lao động, góp phần tiết giảm chi phí quản lý. Mặt khác vẫn đảm bảo duy trì đội ngũ Cán bộ công nhân viên nòng cốt có tay nghề và tâm huyết làm tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của công ty.

- Đặc biệt năm 2016 Công ty tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết, đủ sức đảm đương các công việc có yêu cầu cao tại các công trường cũng như văn phòng công ty.

- Năm 2016, Công ty đã tổ chức thành công chương trình đào tạo BSC&KPI, gửi cán bộ cấp trung đi đào tạo các khóa ngắn hạn, góp phần cải thiện trình độ lý luận, quản lý cũng như nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ.

- Tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, cùng với Công đoàn thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ... đó là nguồn động viên lớn, tạo sự gắn gũi, gắn kết của mỗi thành viên với nhau và với ngôi nhà chung Licogi 166.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng được cơ chế trả lương hấp dẫn, trả lương vào một ngày cố định trong tháng, đủ sức thu hút, lôi cuốn được người lao động mới, cũng như giữ được người lao động cũ, có trình độ và tâm huyết ở lại với Công ty.

- Việc cải thiện tình hình tài chính cũng góp phần duy trì ổn định thời điểm chi trả lương, giải quyết công nợ với các cơ quan thuế, bảo hiểm, tạo nên một điểm sáng trong bức tranh tươi mới về hình ảnh của Công ty trong năm qua.

Việc xây dựng chính sách hợp lý cũng như thu xếp được nguồn tài chính lành mạnh và ổn định đã tạo tâm lý phấn khởi trong người lao động để yên tâm làm việc.

2.4 Công tác quan hệ nhà đầu tư:

- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính... đều được công bố kịp thời với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Pháp luật.

- Tính đến thời điểm 20/3/2017, Công ty có tổng cộng 356 cổ đông, trong đó có 13 cổ đông là các tổ chức, 340 cổ đông là cá nhân và 3 cổ đông nước ngoài.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2016

- Năm 2016 là năm công ty tăng cường các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, sàng lọc bộ máy nhân sự nhằm phát huy năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động để thích nghi với tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động thi công xây lắp, tích cực tìm kiếm việc làm và nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xác định lại chiến lược kinh doanh, hướng trọng tâm hoạt động vào 2 lĩnh vực chính đó là Xây lắp các công trình hạ tầng giao thông và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, từ đó xác định và điều chỉnh ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực và tích cực tìm kiếm các dự án mới;

- Tuyển dụng thêm những nhân sự có chất lượng, đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc cho cán bộ, nhân viên, xây dựng và ban hành các quy trình quản lý và quyết liệt chỉ đạo thực hiện;

- Tập trung công tác thu hồi vốn, thanh toán công nợ, củng cố, thu xếp nguồn vốn để đầu tư và phục vụ sản xuất;

- Đầu tư máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thực hiện các dự án;

- Thực hiện quản trị công ty, công bố thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.

- Xây dựng và đăng ký Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.

- Xây dựng, Ban hành và đưa vào vận hành các quy trình làm việc trong toàn công ty.

- Điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng. thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.

- Đưa vào áp dụng các phần mềm quản lý nhân sự, văn phòng điện tử từ đó rút ngắn thời gian xử lý công việc đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Mặc dù đã rất nỗ lực để đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2016, tuy nhiên có những rủi ro đến từ Chủ đầu tư, đặc biệt dự án Hạ Long Vân Đồn không có mặt bằng và thay đổi thiết kế, dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt được như mong muốn. Mặc dù vậy, năm 2017 vẫn sẽ là một năm nhiều hứa hẹn, khi ngay từ những ngày đầu năm chúng ta đã có được hợp đồng lớn và hiện đang quyết liệt tổ chức thi công, đến thời điểm này sản lượng đạt được hơn 70 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, mỏ đá Licogi 166 đã bắt đầu chuyển biến và có hợp đồng đầu tiên với lượng mua rất lớn, hứa hẹn sẽ đạt doanh số cao trong nhiều năm liên tiếp.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ 2017 so với 2016
1	Doanh thu	163,12	268,82	165 %
2	Vốn điều lệ	76.000	76.000	100%
3	Lợi nhuận sau thuế	0,65	2,072	500%
4	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0
5	Chi phí QL Cty + lãi vay	8.0	20,038	106.3%
6	Tỷ lệ Chi phí QL Cty/doanh thu		7,45%	
5	Thu nhập bình quân	8.0	8.5	106.3%

Để làm được như vậy, nhiệm vụ đặt ra là:

1. Hoạch định chiến lược:

Năm nay cũng là năm kết thúc nhiệm kỳ 5 năm của HĐQT khóa 2012-2017, mở ra nhiệm kỳ mới cho 5 năm kế tiếp. Với định hướng là sẽ bổ sung vào HĐQT những cá nhân có tầm nhìn, có năng lực, đang làm quản lý hoặc chuyên môn sâu ở các đơn vị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm khai thác những thế mạnh của HĐQT trong việc hoạch định chiến lược cũng như tạo dựng mối quan hệ vững chắc cho Công ty ở một tầm cao mới.

2. Công tác tìm kiếm việc làm

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Mặc dù đã rất nỗ lực để đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2016, tuy nhiên có những rủi ro đến từ Chủ đầu tư, đặc biệt dự án Hạ Long Vân Đồn không có mặt bằng và thay đổi thiết kế, dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt được như mong muốn. Mặc dù vậy, năm 2017 vẫn sẽ là một năm nhiều hứa hẹn, khi ngay từ những ngày đầu năm chúng ta đã có được hợp đồng lớn và hiện đang quyết liệt tổ chức thi công, đến thời điểm này sản lượng đạt được hơn 70 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, mỏ đá Licogi 166 đã bắt đầu chuyển biến và có hợp đồng đầu tiên với lượng mua rất lớn, hứa hẹn sẽ đạt doanh số cao trong nhiều năm liên tiếp.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ 2017 so với 2016
1	Doanh thu	163,12	268,82	165 %
2	Vốn điều lệ	76.000	76.000	100%
3	Lợi nhuận sau thuế	0,65	2,072	500%
4	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0
5	Chi phí QL Cty + lãi vay	8.0	20,038	106.3%
6	Tỷ lệ Chi phí QL Cty/doanh thu		7,45%	
5	Thu nhập bình quân	8.0	8.5	106.3%

Để làm được như vậy, nhiệm vụ đặt ra là:

1. Hoạch định chiến lược:

Năm nay cũng là năm kết thúc nhiệm kỳ 5 năm của HĐQT khóa 2012-2017, mở ra nhiệm kỳ mới cho 5 năm kế tiếp. Với định hướng là sẽ bổ sung vào HĐQT những cá nhân có tầm nhìn, có năng lực, đang làm quản lý hoặc chuyên môn sâu ở các đơn vị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm khai thác những thế mạnh của HĐQT trong việc hoạch định chiến lược cũng như tạo dựng mối quan hệ vững chắc cho Công ty ở một tầm cao mới.

2. Công tác tìm kiếm việc làm

- Khai thác các mối quan hệ, mở rộng tìm kiếm nguồn công việc cho các ngành nghề đã chọn: Xây dựng hạ tầng đường giao thông, xây dựng hạ tầng các dự án BT, BOT...

- Chủ động nguồn tài chính, tích cực công tác tìm kiếm việc làm, phấn đấu ký được tối thiểu 03 hợp đồng đạt giá trị ít nhất 500 tỷ đồng, nhằm duy trì nguồn việc ổn định cho năm tiếp theo.

3. Công tác tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực:

- Tiếp tục sàng lọc, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực kế cận, tạo nên lực lượng lao động dồi dào, đáp ứng yêu cầu sản xuất và quản lý.

- Hoàn thiện các quy trình quản lý, xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp có sự tương tác cao, phối hợp nhịp nhàng giữa các Đơn vị Phòng ban; giữa Phòng ban với Ban điều hành dự án.

- Tiếp tục lựa chọn các khóa đào tạo ngắn hạn, xây dựng văn hóa Công ty, hoàn thiện kỹ năng làm việc cho cán bộ nhân viên, cải thiện năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

- Nghiên cứu và xây dựng cơ chế khoán lương, khoán vật tư phụ, nhiên liệu phù hợp, đặc biệt là đối với các dự án, nhằm khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và hăng say lao động.

4. Công tác tài chính:

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền, điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, đảm bảo chủ động tài chính cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục giữ vững mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại, tìm kiếm đối tác mới, tăng hạn mức bảo lãnh cũng như hạn mức vay.

- Tích cực công tác đôn đốc nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ, đảm bảo hiệu quả dòng vốn.

- Tiếp tục huy động nguồn vốn nhân rồi từ cán bộ công nhân viên, cải thiện năng lực tài chính phục vụ thi công các dự án.

5. Công tác quản lý các dự án:

Tăng cường công tác quản lý, cải thiện phương pháp thi công, làm giảm chi phí dự án. Muốn vậy, mỗi cán bộ nhân viên dự án phải:

- Từng bước ổn định mô hình quản lý dự án. Xây dựng lực lượng lao động chuyên nghiệp, thạo việc và chăm chỉ.

- Chủ động trong thực thi công việc, nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đã đặt ra.
- Đẩy mạnh công tác lập kế hoạch, lưu trữ hồ sơ song song với việc điều hành sản xuất. Cải thiện và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, tiết kiệm thời gian và gia tăng hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản lý tài sản, vật tư, thiết bị, con người... giảm thiểu chi phí phát sinh, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tìm kiếm các nhà cung cấp vật tư, dịch vụ có năng lực, kiên trì đàm phán, quản lý sát sao nhằm giảm thiểu chi phí.

6. Công tác đầu tư:

Với mục tiêu chủ động hơn nữa trong việc tìm kiếm, khai thác việc làm, khai thác tiềm năng, thế mạnh của Công ty. Từ năm 2017, HĐQT đề ra mục tiêu tìm thông tin, lập và thực hiện ít nhất 01 dự án đầu tư.

Các mục tiêu cụ thể:

a. Đối với dự án QL 38:

Tập trung hoàn thành bàn giao toàn bộ dự án. Hoàn thành công tác lập hồ sơ hoàn công và thanh quyết toán công trình.

b. Đối với dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn:

Hoàn thành thi công cả 2 Gói 5 và 6. Song song đó là hoàn thành hồ sơ chất lượng, hồ sơ hoàn công và thanh toán.

c. Dự án kè Sông Hậu:

Hoàn thành thanh toán toàn bộ giá trị còn lại.

d. Dự án Trung tâm thông tin miền Trung Tây nguyên:

Hoàn thành bàn giao công trình và thanh quyết toán toàn bộ giá trị còn lại.

e. Thủy điện Bản chất và Quốc lộ 1:

Hoàn thành hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán toàn bộ giá trị còn lại trong Quý II năm 2017

f. Dự án Long Biên:

Tập trung thi công hoàn thành toàn bộ Gói 1 trong tháng 8 năm 2017.

Tiếp tục triển khai thi công Gói 2 hoàn thành trong tháng 12 năm 2017.

Hoàn tất hồ sơ, thanh toán cả 2 Gói đạt giá trị 168 tỷ đồng.

g. Đối với Dự án đầu tư mỏ đá Licogi 166:

- Tổ chức sản xuất 3 ca/ngày, đạt 195.000 Tấn đá thành phẩm năm 2017.
- Tiếp tục tìm kiếm thị trường đầu ra: Duy trì bán hàng đạt sản lượng 300.000 tấn/năm.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng thêm thị trường xuất khẩu ngoài Bangladesh.

h. Các nhiệm vụ khác:

- Nghiên cứu các dự án đầu tư phù hợp với năng lực Công ty và có khả năng sinh lời trong trung hạn, nhằm mở rộng thị trường đầu tư kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược, tìm kiếm cơ hội, liên danh, liên kết, mở rộng hợp tác kinh doanh.

PHẦN III
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, căn cứ Điều lệ và các nội quy, quy chế của Công ty cổ phần LICOGI 166. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm soát với những nội dung:

- + Công tác tổ chức bộ máy, cơ cấu cổ đông
- + Thẩm tra kết quả và báo cáo tài chính năm 2016
- + Đánh giá hoạt động của HĐQT
- + Đánh giá hoạt động của Ban điều hành
- + Hoạt động của BKS năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017.

1. Công tác tổ chức bộ máy Công ty, cơ cấu cổ đông:

Tổ chức bộ máy:

Hội đồng quản trị: 06 người

Ban Kiểm soát: 03 người

Ban Tổng giám đốc: 02 người

Khối các phòng chuyên môn nghiệp vụ: 04 phòng chức năng và 01 ban

Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Kế hoạch – Đầu thầu – Mua hàng

Phòng Kỹ thuật – Thi công

Ban Phát triển dự án

Tổng số CBCNV toàn Công ty tính đến cuối năm 2016 là 126 người

Ban Kiểm soát đánh giá bộ máy Công ty tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với quy mô hoạt động và SXKD

- Cơ cấu cổ đông: tổng số cổ đông 356 cổ đông

+ Cổ đông trong nước: 340

Cổ đông tổ chức: 13 tổ chức (3.876.011 CP)

Cổ đông cá nhân: 340 cổ đông (3.710.589 CP)

Cổ đông nước ngoài: 3 cổ đông nắm giữ 13.400 cổ phần

+ Cổ đông lớn sở hữu trên 5%: 01 tổ chức (Công ty CP LICOGI 16 giữ 3.527.753 CP, chiếm 46.46%)

+ Cổ đông sở hữu từ 1% trở lên: 11 cổ đông (2.407.200 Cp, chiếm tỷ lệ 31.67%)

2. Thẩm tra kết quả và báo cáo tài chính năm 2016

BKS thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam:

- Doanh thu 162.962.297.218, đạt 65% KH và vượt 5% so với năm 2015.

- Lợi nhuận sau thuế 646.813.995

- Lỗ lũy kế đến 31/12/2016: 17.635.724.189

BCTC đã được lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt nam và các văn bản pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được lập đầy đủ, đúng quy định, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh rõ ràng. Báo cáo kiểm toán có vấn đề cần nhấn mạnh trong thuyết minh tại mục 3.6 và 3.8 của BCTC hợp nhất về việc áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước theo sản lượng đã khai thác của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166.

Năm 2016 doanh thu tăng so với năm 2015 nhưng lợi nhuận giảm nhẹ, đây là năm Công ty còn nhiều khó khăn do đầu mục công trình ít, việc sản xuất kinh doanh đá không thuận lợi, tài chính khó khăn.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2016:



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

STT	CHỈ TIÊU		Năm 2016
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	32,5
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	67,5
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	71,6
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,4
3	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	lần	0,99
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng TK/nợ ngắn hạn)	lần	0,71
4	Chỉ tiêu cơ cấu vốn (lần)		
	- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.72
	- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	2,53
STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	STT
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	lần	0,7
	- Doanh thu thuần / vốn chủ sở hữu	lần	2,5
	- Lợi nhuận sau thuế / doanh thu	%	0,4
	- Lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu	%	1,0
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	85

3. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):

3.1 Hoạt động của HĐQT năm 2016:

HĐQT tổ chức 01 cuộc họp với 06 thành viên tham gia, có 01 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và ban hành 02 nghị quyết HĐQT với những nội dung:

- + Thông qua thời gian, nội dung chương trình tổ chức ĐHCĐ 2016.
- Phê duyệt việc tham gia dự án thoát nước Long Biên.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT năm qua phù hợp với quy định của Pháp luật và đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

3.2 Việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016.

Năm 2016 là một năm tiếp tục khó khăn, mặc dù HĐQT và Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo và thực hiện nhưng hầu hết các chỉ tiêu đều không đạt được theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua.

4. Hoạt động của Ban điều hành:

Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: Trong năm Công ty tìm kiếm và ký kết hợp đồng với giá trị trên 400 tỷ, tuy doanh thu trong năm chỉ đạt 65% kế hoạch năm nhưng đã có lãi 650 triệu. Đến thời điểm hiện tại Công ty đã vận hành mỏ đá, khai thác kinh doanh, hiện đã ký kết hợp đồng xuất khẩu đá xây dựng sang thị trường Bangladesh và hứa hẹn đem lại doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017.

Công tác tài chính kế toán: Hạch toán kế toán đảm bảo đúng quy định và chuẩn mực, giá vốn được xác định tương ứng với doanh thu, Công ty kiểm soát công nợ sát sao và luôn tập trung thực hiện thu hồi công nợ. Công tác đánh giá, phân tích rủi ro kịp thời, sắp xếp nguồn tài chính tự có và nguồn tài trợ hợp lý giúp hoạt động SXKD không bị gián đoạn.

Công tác đầu tư: Trong năm chi đầu tư với tổng mức gần 21 tỷ VNĐ

Công tác nhân sự: Trong năm Công ty ổn định tổ chức bộ máy, tuyển dụng cán bộ quản lý có trình độ năng lực, cán bộ công trường có kinh nghiệm có năng lực đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành; trong năm Công ty tổ chức đào tạo các lớp kỹ năng mềm: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thuyết trình, quản lý cho cán bộ cấp trung, đào tạo nội bộ.

Công tác báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt qui định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Các báo cáo được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ động và nhà đầu tư.

Công tác quản lý: lãnh đạo công ty quyết liệt áp dụng quy trình quản lý trong điều hành và nâng cao tính tuân thủ của các phòng/ban/bộ phận. Trong năm Công ty ban hành định mức nhiên liệu, ca máy, khoán định mức chi tiêu BDH... và tiến tới giao khoán các công trình; Các công trình đều lập dự toán thi công, xây dựng kế hoạch cụ thể làm cơ sở thực hiện.

Một số công trình gặp khó khăn về bàn giao mặt bằng và năng lực cán bộ điều hành gây ảnh hưởng tiến độ thi công và chất lượng công trình, Công ty đang tập trung chấn chỉnh và ổn định.

5. Hoạt động của Ban Kiểm soát và sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD và BKS:

Trong năm, BKS làm việc 3 đợt, trưởng BKS tham gia các cuộc họp HĐQT khi được mời để thực hiện nhiệm vụ trong điều lệ và theo luật.

HĐQT, Ban TGD thường xuyên giữ mối liên hệ với BKS, Ban kiểm soát được mời dự họp các cuộc họp HĐQT mở rộng. Được cung cấp hồ sơ tài liệu, các thông tin có liên quan đến chương trình làm việc của Ban kiểm soát.

Công ty thực hiện đầy đủ công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Trong năm, BKS không phát hiện thấy những dấu hiệu bất thường gây xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban TGD, người quản lý và cổ đông lớn đối với lợi ích của công ty.

Kế hoạch làm việc năm 2016 của BKS là 02 lần, đợt 1 cho báo cáo tài chính soát xét bán niên và đợt 2 cho báo cáo tài chính năm.

6. Kết luận và kiến nghị:

6.1 Kết luận:

Năm 2016 là năm Công ty tiếp tục gặp khó khăn về tài chính và việc làm. Tuy nhiên Ban Kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV công ty trong việc quản lý, điều hành và duy trì hoạt động để củng cố tổ chức và dần dần vượt qua khó khăn.

Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

6.2 Kiến nghị:

- Trong nhiệm kỳ tới HĐQT xem xét và xây dựng chiến lược SXKD 05 năm gắn liền với kế hoạch nhiệm kỳ HĐQT để phù hợp với việc đánh giá kết quả thực hiện của nhiệm kỳ.

- Tiếp tục xây dựng quy chế, quy trình quản lý nội bộ, tăng cường công tác quản lý điều hành nhằm tới mục tiêu hiệu quả trong 05 năm và từng năm.

- Tập trung yếu tố con người thông qua việc tuyển dụng, đào tạo và tạo nguồn cán bộ có năng lực phục vụ SXKD nhiệm kỳ tiếp theo.

- Tăng cường công tác tìm kiếm công việc, hoàn tất thủ tục để có thể kinh doanh đá.
- Tập trung công tác nghiệm thu thanh toán nhanh và dứt điểm, công tác thu hồi công nợ các công trình và công nợ tồn đọng.
- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương pháp giao khoán phù hợp và quản lý vận hành hiệu quả.
- Trong nhiệm kỳ qua BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ qua có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và việc hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa của HĐQT, BGĐ; Sự phối hợp và hợp tác từ các phòng/ban Công ty.

PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản:

Kết thúc năm tài chính 2016, tổng tài sản của Công ty 227 tỷ đồng, tăng 21 tỷ đồng so với năm 2015. Trong đó, các chỉ tiêu có sự biến động lớn trong năm 2016 bao gồm:

Nhóm tài sản tăng dẫn đến tổng tài sản tăng:

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 1.2 tỷ đồng
- Hàng tồn kho tăng 26,3 tỷ đồng so với năm 2015 chủ yếu là do việc ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của công trình Hạ long vận đôn tăng 18,8 tỷ đồng, Công trình BOT38 tăng 14,7 tỷ đồng.
- Tài sản cố định tăng 19.5 tỷ đồng do trong năm công ty đầu tư thêm tài sản cố định hữu hình 12,5 tỷ và tài sản cố định thuê tài chính 7 tỷ đồng

Nhóm tài sản giảm trong khi tổng tài sản tăng:

- Tiền và tương đương tiền giảm 6,1 tỷ đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 11 tỷ đồng so với năm 2015, trong đó chủ yếu từ việc giảm phải thu khách hàng là 12 tỷ đồng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 6,4 tỷ đồng do chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2015 đã được quyết toán vào giá trị tài sản cố định năm 2016.

- Đầu tư tài chính dài hạn giảm 4 tỷ đồng so với năm 2015 do trong năm 2016 công ty ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con – Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166

Từ những tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,3%	68,6%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32,7%	31,4%

Cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn gần như không thay đổi giữa năm 2016 và 2017 do tỷ lệ tăng của tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn là tương đương.

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty thanh toán kịp thời các chế độ cho người lao động như lương hàng tháng được trả vào ngày 7 của tháng sau, tiền BHXH và các khoản khác được thanh toán đầy đủ. Các khoản trả nợ vay ngân hàng luôn được Công ty trả nợ đúng hạn. Kết thúc năm tài chính 2016, nợ phải trả của Công ty là 162,5 tỷ đồng tăng 19,8 tỷ so với năm 2015. Các yếu tố làm tăng nợ phải trả bao gồm:

- Nợ ngắn hạn tăng 12,7 tỷ đồng chủ yếu do:
 - + Phải trả người bán ngắn hạn tăng 17,6 tỷ đồng chủ yếu công nợ các nhà cung cấp Công trình BOT 38.
 - + Người mua trả tiền trước giảm 14 tỷ đồng do tiền tạm ứng thi công đường cao tốc Gói 05 và Gói 06 công trình Hạ long Vân đồn từ năm 2015 đã được Chủ đầu tư thu hồi.
 - + Phải trả người lao động tăng 0,85 tỷ đồng do việc thanh toán lương tháng 12 sẽ được chi trả vào đầu năm 2017.
 - + Vay ngắn hạn tăng 12,5 tỷ đồng
- Nợ dài hạn tăng 7,2 tỷ đồng do trong năm 2016 Công ty đầu tư máy móc thiết bị đầu tư cho công trình Hạ long vân đồn và BOT38

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
--------------	----------	----------

LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán hiện hành	0,99	1.01
- Hệ số thanh toán nhanh	0,71	0,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,7	0,7
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,28	0,31
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	4,7	8,8
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,72	0,86

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Các hệ số thanh toán năm 2016 thay đổi không đáng kể so với năm 2015.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ năm 2016 không thay đổi so với năm 2015 cho thấy Công ty cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiệm thu thanh toán để giảm dư nợ và chủ động hơn về công tác tài chính.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 (4,7 lần) giảm so với năm 2015

4. Giá trị sổ sách của công ty:

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2016 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2016	64.355.156.000 đồng
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000 cổ phần

5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được kiểm toán

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.962.297.218	155.734.888.409
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.962.297.218	155.734.888.409
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(143.134.403.756)	(140.427.928.212)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.827.893.462	15.306.960.197

LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.731.329.708	307.176.364
22	7. Chi phí tài chính	(11.376.683.515)	(4.900.340.026)
23	Trong đó chi phí lãi vay	(7.384.413.243)	(4.872.736.409)
24	8. Chi phí bán hàng		(70.539.076)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.576.880.063)	(9.793.644.991)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	605.659.592	849.612.468
31	11. Thu nhập khác	45.454.545	129.338.107
32	12. Chi phí khác	(4.300.142)	
40	13. Lợi nhuận khác	41.154.403	129.338.107
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	646.813.995	978.950.575
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	646.813.995	978.950.575

Doanh thu năm 2016 tăng 7,22 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ tăng 4,5% so với năm 2015 dẫn đến giá vốn tăng 3 tỷ tương đương với 2,1% và chi phí tài chính tăng 6,5 tỷ đồng trong đó lãi vay tăng 2,5 tỷ đồng do lãi vay trung hạn mua sắm thiết bị thi công, bên cạnh đó năm 2016 Công ty có trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con tăng 3,9 tỷ đồng. Điều này dẫn tới năm 2016 Công ty lãi 0,65 tỷ đồng.

PHẦN V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04 38315100

Website: www.ey.com/vn

2. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Phụ lục kèm theo báo cáo)

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

PHẦN VI
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty Cổ phần LICOGI 16:

Công ty Cổ phần Licogi 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty Cổ phần Licogi 16 đang nắm giữ 3.527.753 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 46,42 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.

2. Công ty TNHH MTV VLXD Licogi 166: Là Công ty con của Công ty CP Licogi 166 là pháp nhân đại diện tại mỏ đá Licogi 166 – Phường Kỳ Phương - Thị xã Kỳ Anh – Tỉnh Hà Tĩnh.

PHẦN VII

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

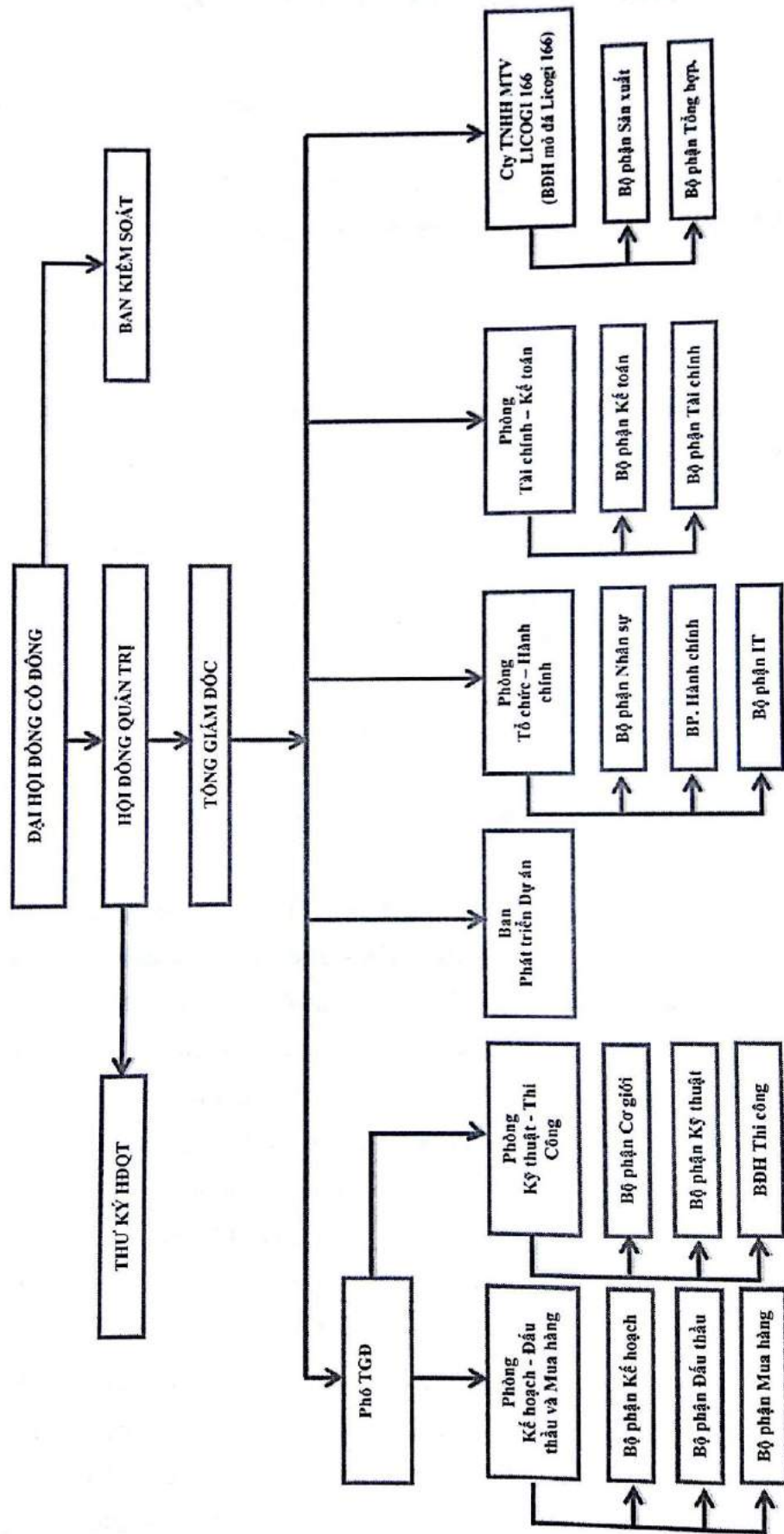
I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



2. Đại hội đồng Cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Các phòng nghiệp vụ của Công ty:

a. Phòng Kế hoạch - Đấu thầu - Mua hàng:

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ được thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng của Công ty là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực Kinh tế, Kế hoạch, Đấu thầu, Mua hàng.

b. Phòng Kỹ thuật - Thi công:

Phòng Kỹ thuật – Thi công là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Kỹ thuật – Thi công có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Quản lý dự án bao gồm: Tổ chức và triển khai dự án, quản lý kỹ thuật, khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn.

- Quản lý máy móc thiết bị, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, thi công.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động thi công xây lắp, khoa học kỹ thuật và quản lý xe máy thiết bị của Công ty.

c. Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT. Phòng Tài chính – Kế toán của có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính;
- Công tác kế toán;
- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;
- Quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong

toàn Công ty.

d. Phòng Tổ chức – Hành chính:

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tổ chức, nhân sự;
- Công tác Hành chính, văn phòng.

d. Ban phát triển dự án:

Ban phát triển dự án là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong công tác tiếp thị đấu thầu, quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thông tin, tìm kiếm dự án tạo việc làm cho Công ty.

e. Các Ban điều hành Công trường: Là các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện các dự án thi công xây lắp và sản xuất của công ty sau khi hợp đồng được ký kết.

II. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc công ty

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc

- Ông Vũ Công Hưng – Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng

- Ông Vũ Đình Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

3. Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không.

4. Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp: Người lao động làm việc tại Văn phòng Công ty tại Tầng 4 Tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội được trang bị khang trang hiện đại; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ theo đúng yêu cầu của Pháp luật.

- Chính sách đào tạo:

Xác định sự phát triển bền vững của Công ty chính đội ngũ CBCNV tâm huyết có trình độ chuyên môn, kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, do vậy Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Trong năm 2015, Công ty Tổ chức thành công nhiều chương trình đào tạo như: Kỹ năng lập kế hoạch, Kỹ năng thuyết trình, Đào tạo nâng cao kỹ năng cho cán bộ quản lý cấp trung và các cũng như trong những năm tiếp theo Công ty vẫn sẽ dành nguồn ngân sách cố định định cho hoạt động đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đưa chính sách này trở thành chính sách đãi ngộ để thu hút người lao động.

- Chính sách lương:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, đảm bảo người lao động hưởng mức lương tương xứng với công sức đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm của mỗi người và phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Chính sách thưởng:

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỷ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất ...

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.

PHẦN VIII

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch	Kiểm Tổng giám đốc
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên	
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên	
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên	

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo và điều hành Ban Tổng Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên HĐQT phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, Tổ chức nhân sự, Tài chính ...

Ông Vũ Công Hưng – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng.

Ông Bùi Dương Hùng – Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 02/9/1958

Địa chỉ thường trú: Số 4A, khu nhà ở thấp tầng LICOI 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979

Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ QTKD

Ông Trần Đình Tuấn – Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958

Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958

Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng

Ông Lê Văn Hoạch – Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 18/8/1959

Địa chỉ thường trú: Số 23-D6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thủy lực, Cử nhân Kinh tế, Lý luận chính trị cao cấp.

b. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hương	Thành viên	

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã định kỳ tổ chức họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo xử lý các vấn đề vướng mắc. Để linh hoạt trong quản lý, điều hành, một số trường hợp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình bằng hình thức lấy ý kiến thành viên

Hội đồng bằng văn bản.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua nhiều nghị quyết, quyết định và các tài liệu quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty, nổi bật như sau:

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2016/NQ-HĐQT	1/4/2016	Quyết nghị thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2016, Phê duyệt kế hoạch chi phí năm 2016, thống nhất nội dung chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 và trình ĐHĐCĐ thông qua việc sử dụng thặng dư vốn và quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ lũy kế.
2	Số 02/2016/QĐ-HĐQT	29/12/2016	Phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng thi công xây dựng dự án thoát nước Long Biên, Hà Nội.

- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, đầu tư mà Đại Hội đồng cổ đông Công ty đặt ra.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty bao gồm các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính;
- Xác định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Xem xét việc ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Xem xét việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, công tác quản lý kinh tế và các mặt hoạt động khác có liên quan trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã tiến hành chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Stt	Đối tượng	Mức chi/tháng	Ghi chú
-----	-----------	---------------	---------

LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000 VNĐ	
2	Ủy viên HĐQT & Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000 VNĐ	
3	Thành viên BKS	2.000.000 VNĐ	
4	Thư ký HĐQT	1.000.000 VNĐ	

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 20/03/2017 (thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cấp ngày 23/3/2017 số V249 /2017-LCS/VSD-ĐK) được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ/ VĐL
1	Vũ Công Hưng	Chủ tịch HĐQT/TGD	85.000	1,12%
2	Bùi Dương Hùng	UV HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Quốc Đồng	UV HĐQT	3.000	0,04%
4	Vũ Đình Dũng	UV HĐQT/Phó TGD	14.300	0,19%
5	Trần Đình Tuấn	UV HĐQT	4.000	0,05%
6	Lê Văn Hoạch	UV HĐQT	4.800	0,06%
7	Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng BKS	3.000	0,04%
8	Nguyễn Anh Tú	Thành viên BKS	18.000	0,24%
9	Nguyễn Văn Hương	Thành viên BKS	0	0%
10	Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

6. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

a. Giao dịch cổ phiếu: Không có

b. Các giao dịch khác: Không có

II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 23/3/2017, số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 7.600.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 356 cổ đông

Trong đó:

Cổ đông là tổ chức: 13 cổ đông nắm giữ 3.876.011 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 340 cổ đông nắm giữ 3.710.589 cổ phần

Cổ đông nước ngoài: 3 cổ đông nắm giữ 13.400 cổ phần

2. Thông tin về cổ đông nhà nước: Không có

3. Thông tin về cổ đông nước ngoài:

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP nắm giữ
1	Browne Jeffrey Child	IA3630	12555 Green Meadow Pl., Elm Grove, WI 23122, USA	12.800
2	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	500
3	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Ymatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100
	Tổng cộng			13.400

4. Thông tin về cổ đông sáng lập:

Theo quy định tại Khoản 3 và 4, Điều 119, Luật Doanh nghiệp: "... 3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

4. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty."



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2017

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



VŨ CÔNG HÙNG

Công ty Cổ phần Licogi 166

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đã xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưởng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con, do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60992763/18490123-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") và công ty con được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.6 và 3.8 của báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và công ty con áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định/phân bổ chi phí trả trước theo khối lượng đá khai thác đối với một số tài sản liên quan tới hoạt động khai thác mỏ đá của công ty con. Theo đó, mức trích khấu hao tài sản cố định/phân bổ chi phí trả trước liên quan đến hoạt động khai thác mỏ đá nêu trên được tính theo sản lượng đá khai thác thực tế trong năm trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2016, công ty con đã khai thác được 4% trữ lượng được phép khai thác và khả năng khai thác trữ lượng còn lại phụ thuộc nhiều vào khả năng tiêu thụ trong các năm tới cũng như việc gia hạn giấy phép khai thác mỏ đá sau năm 2018.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		144.713.035.813	134.735.758.263
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	167.437.151	6.275.193.299
111	1. Tiền		167.437.151	1.447.193.299
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.828.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.200.000.000	950.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.200.000.000	950.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.341.106.101	108.529.632.700
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	61.971.009.851	78.014.338.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	16.640.073.985	19.872.560.008
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.200.700.478	11.113.412.597
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(470.678.213)	(470.678.213)
140	IV. Hàng tồn kho	8	51.011.090.943	18.152.130.088
141	1. Hàng tồn kho		53.032.231.521	18.152.130.088
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.021.140.578)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.993.401.618	828.802.176
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	398.400.140	828.802.176
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.511.573.903	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		83.427.575	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		84.673.740.273	71.781.245.948
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		447.407.263	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	447.407.263	-
220	II. Tài sản cố định		75.686.508.081	57.050.303.116
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	68.707.429.160	57.050.303.116
222	Nguyên giá		118.301.878.001	103.343.838.653
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.594.448.841)	(46.293.535.537)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	6.979.078.921	-
225	Nguyên giá		7.395.161.364	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(416.082.443)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.035.213.000	7.463.102.362
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.035.213.000	7.463.102.362
260	IV. Tài sản dài hạn khác		7.504.611.929	7.267.840.470
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.504.611.929	7.267.840.470
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		229.386.776.086	206.517.004.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		165.031.620.086	142.808.662.206
310	I. Nợ ngắn hạn		156.021.982.785	140.962.240.463
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	23.329.100.218	4.927.573.809
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	48.078.912.616	62.459.558.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		12.513.823	1.193.995.458
314	4. Phải trả người lao động		4.209.896.640	2.523.065.669
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	916.486.276	2.416.213.138
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.172.286.578	7.417.471.485
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	65.629.263.328	53.121.511.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	6.279.341.993	6.347.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	394.181.313	554.881.313
330	II. Nợ dài hạn		9.009.637.301	1.846.421.743
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	147.671.743
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	8.861.965.558	1.698.750.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.355.156.000	63.708.342.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	64.355.156.000	63.708.342.005
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	19.1	76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	-	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	5.990.880.189	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế	19.1	(17.635.724.189)	(29.071.374.527)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(18.282.538.184)	(30.050.325.102)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		646.813.995	978.950.575
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		229.386.776.086	206.517.004.211

Người lập
Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	157.666.477.873	155.734.888.409
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	157.666.477.873	155.734.888.409
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(141.418.092.960)	(140.427.928.212)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.248.384.913	15.306.960.197
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.731.435.244	307.337.878
22	7. Chi phí tài chính	22	(7.384.413.243)	(4.872.736.409)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.384.413.243)	(4.872.736.409)
25	8. Chi phí bán hàng		-	(70.539.076)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(9.989.747.322)	(9.821.410.122)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		605.659.592	849.612.468
31	11. Thu nhập khác		45.454.545	129.338.107
32	12. Chi phí khác		(4.300.142)	-
40	13. Lợi nhuận khác		41.154.403	129.338.107
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		646.813.995	978.950.575
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		646.813.995	978.950.575
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	85	129
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	85	129

Người lập
Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		646.813.995	978.950.575
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính		7.073.118.195	5.031.585.806
03	Các khoản dự phòng		2.021.140.578	236.433.713
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.201.388)	1.063.324.014
06	Chi phí lãi vay	22	7.384.413.243	4.872.736.409
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.955.284.623	12.183.030.517
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		17.885.633.994	(24.022.337.925)
10	Tăng hàng tồn kho		(34.880.101.433)	(3.909.280.911)
11	Tăng các khoản phải trả		1.404.088.887	46.792.530.530
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		193.630.577	(7.518.488.836)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.359.308.108)	(4.860.703.161)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(65.739.762)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(5.866.511.222)	18.664.750.214
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.697.736.500)	(22.122.768.361)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		45.454.545	1.490.909.090
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.200.000.000)	(950.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		950.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		124.746.843	128.220.448
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(11.777.535.112)	(21.453.638.823)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		113.088.567.210	103.824.496.685
34	Tiền trả nợ gốc vay		(98.524.062.415)	(97.388.366.066)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.028.214.609)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.536.290.186	6.436.130.619

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.107.756.148)	3.647.242.010
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.275.193.299	2.627.951.289
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm	4	167.437.151	6.275.193.299

Người lập
Đào Lan Tuyết

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Kế toán trưởng
Hà Thị Huế



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 98 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 90 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cự Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong Công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Nguyên tắc kế toán cơ bản

Công ty và công ty con có khoản lỗ lũy kế là 17.635.724.189 đồng Việt Nam. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ ngắn hạn của Công ty và công ty con là 156.021.982.785 đồng Việt Nam đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 11.308.946.972 đồng Việt Nam. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và công ty con. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty và công ty con tiếp tục hoạt động kinh doanh mà không có sự gián đoạn nào trong năm 2017.

Trên cơ sở này, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ thời điểm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |
| Chi phí xây lắp dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thầu phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. |
| Chi phí khai thác đá dở dang và đá thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường] theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính của Công ty và công ty con được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm
Máy móc thuê tài chính	3 năm

Khấu hao của các tài sản cố định liên quan tới hoạt động khai thác mỏ đá được trích theo khối lượng đá khai thác (cụ thể là tính theo sản lượng đá khai thác thực tế trong năm trên tổng sản lượng được cấp phép khai thác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước liên quan tới hoạt động khai thác đá tại mỏ của công ty con được phân bổ theo khối lượng đá khai thác (cụ thể là tính theo sản lượng đá khai thác thực tế trong năm trên tổng sản lượng được cấp phép khai thác).

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty và công ty con trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	73.001.665	130.202.658
Tiền gửi ngân hàng	94.435.486	1.316.990.641
Các khoản tương đương tiền	-	4.828.000.000
TỔNG CỘNG	167.437.151	6.275.193.299

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn 1 năm và hưởng lãi suất 6%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	18.016.556.050	6.508.169.141
Tổng công ty xây dựng Trường Sơn	8.572.930.272	713.523.308
Công ty Cổ phần Vinaconex 25 – Chi nhánh Đà Nẵng	2.918.463.292	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	2.408.675.508	3.763.029.256
Phải thu khác	4.116.486.978	2.031.616.577
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	43.954.453.801	71.506.169.167
TỔNG CỘNG	61.971.009.851	78.014.338.308
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(470.678.213)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	7.052.132.884	8.452.132.884
Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	3.592.775.000
Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	2.981.927.360	3.183.424.874
Các khoản trả trước cho người bán khác	3.013.238.741	4.644.227.250
TỔNG CỘNG	16.640.073.985	19.872.560.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	8.377.519.600	-	10.199.615.977	-
Ký cược, ký quỹ	1.500.000.000	-	-	-
Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ của các khoản nợ thuế tài chính chưa thanh toán	561.984.159	-	-	-
Phải thu khác	761.196.719	-	913.796.620	-
TỔNG CỘNG	11.200.700.478	-	11.113.412.597	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	447.407.263	-	-	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.506.548.538	-	1.085.492.571	-
Công cụ, dụng cụ	109.022.319	-	125.245.319	-
Chi phí khai thác đá dở dang	3.467.514.102	(1.410.981.567)	520.272.583	-
Đá thành phẩm	5.576.910.755	(610.159.011)		
Công trình xây lắp dở dang (*)	42.372.235.807	-	16.421.119.615	-
TỔNG CỘNG	53.032.231.521	(2.021.140.578)	18.152.130.088	-

(*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình		
Hạ Long – Vân Đồn	21.034.360.936	2.201.259.323
Quốc lộ 38	14.694.163.961	-
Bê tông đỉnh đập – Bản Chát	3.871.872.319	3.871.872.319
Kè bảo vệ Sông Hậu	2.446.199.025	2.443.550.208
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	312.339.566	7.824.333.639
Cổng hợp Long Biên	13.300.000	-
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	-	80.104.126
TỔNG CỘNG	42.372.235.807	16.421.119.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

TẠI SAN CỘ ĐỊNH HƯU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	28.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	103.343.838.653
- Mua trong năm	-	13.091.310.161	5.222.851.635	-	18.314.161.796
- Thanh lý	-	(2.012.100.950)	(1.002.476.118)	(341.545.380)	(3.356.122.448)
Số cuối năm	28.554.256.647	74.864.891.793	14.833.829.561	48.900.000	118.301.878.001
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
- Khấu hao trong năm	1.048.747.437	4.556.454.255	1.042.054.060	9.780.000	6.657.035.752
- Thanh lý	-	(2.012.100.950)	(1.002.476.118)	(341.545.380)	(3.356.122.448)
Số cuối năm	2.549.563.365	36.866.944.438	10.136.063.323	41.877.715	49.594.448.841
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	27.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	57.050.303.116
Số cuối năm	26.004.693.282	37.997.947.355	4.697.766.238	7.022.285	68.707.429.160

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 35.754.950.083 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 34.346.422.276 VND) được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc, thiết bị

Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	7.395.161.364
Số cuối năm	7.395.161.364
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	416.082.443
Số cuối năm	416.082.443
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	6.979.078.921

Công ty thuê máy móc thi công theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016 và 13 tháng 6 năm 2016. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 16.3.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	-	6.427.889.362
TỔNG CỘNG	1.035.213.000	7.463.102.362

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa máy móc	-	281.006.333
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	191.837.797	387.483.002
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	65.250.000	62.800.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.312.343	97.512.841
TỔNG CỘNG	398.400.140	828.802.176
Dài hạn		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và tài sản mỏ khác	7.255.738.425	6.954.016.909
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	121.500.000	233.300.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	127.373.504	80.523.561
TỔNG CỘNG	7.504.611.929	7.267.840.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây lắp thủy sản Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng	3.447.931.000	3.447.931.000	-	-
Công ty Cổ phần JITTA	2.149.281.750	2.149.281.750	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Sơn Hà	1.720.176.731	1.720.176.731	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	202.215.117	202.215.117	662.215.117	662.215.117
Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hưng Thịnh	-	-	1.416.208.880	1.416.208.880
Các nhà cung cấp khác	15.809.495.620	15.809.495.620	2.381.924.674	2.381.924.674
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	467.225.138	467.225.138
TỔNG CỘNG	23.329.100.218	23.329.100.218	4.927.573.809	4.927.573.809

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	48.062.532.370	62.166.635.400
Đối tượng khác	16.380.246	292.922.817
TỔNG CỘNG	48.078.912.616	62.459.558.217

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay trích trước	114.656.590	89.551.454
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê-tông	801.829.686	2.326.661.684
TỔNG CỘNG	916.486.276	2.416.213.138

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ứng trước từ Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	819.379.893	1.412.501.007
Bảo hiểm xã hội, y tế	691.333.013	157.885.010
Kinh phí công đoàn	375.892.574	363.231.038
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	355.874.520	304.591.035
Cổ tức phải trả	38.158.600	39.070.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.191.647.978	1.440.192.795
TỔNG CỘNG	7.172.286.578	7.417.471.485
Trong đó:		
Phải trả khác	2.945.862.874	3.658.272.919
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	4.226.423.704	3.759.198.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	49.460.261.200	49.460.261.200	104.881.567.210	(94.449.562.415)	59.892.265.995	59.892.265.995	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả	-	-	5.197.461.942	(3.028.214.609)	2.169.247.333	2.169.247.333	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.661.250.000	3.661.250.000	3.981.000.000	(4.074.500.000)	3.567.750.000	3.567.750.000	
TỔNG CỘNG	53.121.511.200	53.121.511.200	114.060.029.152	(101.552.277.024)	65.629.263.328	65.629.263.328	
Vay dài hạn							
Nợ thuê tài chính	-	-	8.134.677.500	(5.197.461.942)	2.937.215.558	2.937.215.558	
Vay ngân hàng	1.698.750.000	1.698.750.000	8.207.000.000	(3.981.000.000)	5.924.750.000	5.924.750.000	
TỔNG CỘNG	1.698.750.000	1.698.750.000	16.341.677.500	(9.178.461.942)	8.861.965.558	8.861.965.558	

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND					
Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	59.892.265.995	Kỳ hạn vay 8 -9 tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 31 tháng 5 năm 2017	9,2% - 10%	Nhà văn phòng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải	
TỔNG CỘNG					
	59.892.265.995				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.880.000.000	48 tháng, đáo hạn lần cuối vào quý IV năm 2019	11% - 12%	Máy móc, thiết bị
	3.343.750.000	48 tháng, đáo hạn từ lần cuối vào quý IV năm 2019	10,5%	Máy móc, thiết bị
	1.968.750.000	48 tháng, đáo hạn lần cuối vào quý II năm 2019	10,9%	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	300.000.000	36 tháng, đáo hạn lần cuối ngày 28 tháng 1 năm 2019.	7,5%	Phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	9.492.500.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	3.567.750.000			
Vay dài hạn	5.924.750.000			

16.3 Nợ thuê tài chính

Công ty và công ty con hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	2.541.914.916	372.667.583	2.169.247.333	-	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	3.129.788.024	192.572.466	2.937.215.558	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.671.702.940	565.240.049	5.106.462.891	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Số đầu năm	6.347.970.174
Sử dụng trong năm	<u>(68.628.181)</u>
Số cuối năm	<u>6.279.341.993</u>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	554.881.313	1.159.329.313
Chi trong năm	<u>(160.700.000)</u>	<u>(604.448.000)</u>
Số cuối năm	<u>394.181.313</u>	<u>554.881.313</u>

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lũy kế	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	978.950.575	978.950.575
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Năm nay					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	646.813.995	646.813.995
- Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ (*)	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	10.788.836.343	-
Số cuối năm	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.635.724.189)	64.355.156.000

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2015 của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và một phần quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	76.000.000.000	76.000.000.000	83.616.480.409	83.616.480.409

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	157.666.477.873	155.734.888.409
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	155.772.894.981	146.599.812.086
Doanh thu bán hàng	1.849.844.781	7.552.041.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.738.111	1.583.035.160
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	155.666.477.873	155.734.888.409
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên thứ ba	70.009.268.496	23.199.176.594
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	87.657.209.377	132.535.711.815

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	1.492.637.373
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	155.772.894.981	145.107.174.713
TỔNG CỘNG	155.772.894.981	146.599.812.086
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối năm	308.754.541.730	152.981.646.749

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và thu nhập tài chính khác	124.746.843	307.337.878
Lãi trả chậm từ khách hàng (*)	1.606.688.401	-
TỔNG CỘNG	1.731.435.244	307.337.878

(*) Đây là phần lãi trả chậm mà Công ty được hưởng tính trên nợ phải thu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát mà Công ty Cổ phần Licogi 16 (cổ đông chính của Công ty) chậm trả, dựa trên Biên bản làm việc ngày 16 tháng 4 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Licogi 16.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	135.986.847.815	131.807.907.072
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.404.402.688	7.443.677.160
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.842.457	1.176.343.980
TỔNG CỘNG	141.418.092.960	140.427.928.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	7.384.413.243	4.872.736.409
TỔNG CỘNG	7.384.413.243	4.872.736.409

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	6.059.777.538	5.522.665.862
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.929.969.784	4.298.744.260
TỔNG CỘNG	9.989.747.322	9.821.410.122

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	105.474.418.913	87.686.220.956
Chi phí nhân công	19.827.785.941	15.464.484.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.073.118.195	5.031.585.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.988.650.122	38.464.216.246
Chi phí khác bằng tiền	7.519.135.577	3.673.369.998
TỔNG CỘNG	185.883.108.748	150.319.877.410

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (Năm 2015: 22%) lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	646.813.995	978.950.575
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và công ty con (năm 2015: 22%)	129.362.799	215.369.126
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	40.800.000	44.880.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	860.028	-
Điều chỉnh theo kết quả thanh tra thuế	-	787.470.074
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	(171.022.827)	(1.047.719.200)
Chi phí thuế TNDN	-	-

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 36.103.865.901 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 32.966.709.766 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Công ty mẹ

		Đơn vị tính: VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2014	2019	37.701.466.149	5.617.474.137	-	32.083.992.012
TỔNG CỘNG		37.701.466.149	5.617.474.137	-	32.083.992.012

(*) Lỗ tính thuế chuyển sang từ năm trước và được điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế ngày 29 tháng 11 năm 2016 cho kỳ tài chính đến hết năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Công ty con

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (**)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2015	2020	27.603.617	-	-	27.603.617
2016	2021	3.992.270.272	-	-	3.992.270.272
TỔNG CỘNG		4.019.873.889	-	-	4.019.873.889

(**) Lỗ tính thuế của công ty con được ước tính trên các tờ khai thuế và chưa được thanh tra quyết toán với cơ quan thuế địa phương tới ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty và công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá Doanh thu xây lắp Lãi phạt trả chậm Doanh thu cho thuê thiết bị Phải thu chuyển sang từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	457.263.871 87.199.945.506 1.606.688.401 - -	7.552.041.163 123.609.148.108 - 1.374.522.544 16.456.439.203
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Chi phí mua nguyên vật liệu	317.750.400	3.132.024.938

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và công ty con mua, bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (năm 2015: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	43.880.073.627	71.431.788.993
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	74.380.174
			43.954.453.801	71.506.169.167
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị (*)	-	467.225.138
			-	467.225.138
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	59.198.566
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị (*)	467.225.138	-
			4.226.423.704	3.759.198.566

(*) Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị được phân loại lại từ phải trả người bán sang phải trả ngắn hạn khác trong năm 2016.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.236.278.937	1.125.813.001
TỔNG CỘNG	1.236.278.937	1.125.813.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	646.813.995	978.950.575
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	646.813.995	978.950.575
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	646.813.995	978.950.575
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.600.000	7.600.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	7.600.000	7.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	85	129
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	85	129

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận xây lắp thực hiện đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng và cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật.

Bộ phận khai thác và kinh doanh đá thực hiện khai thác và kinh doanh đá xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và Công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bộ phận xây lắp	Bộ phận khai thác và kinh doanh đá	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	155.816.633.092	1.849.844.781	-	157.666.477.873
Doanh thu giữa các bộ phận	5.295.819.345	-	(5.295.819.345)	-
Tổng doanh thu	161.112.452.437	1.849.844.781	(5.295.819.345)	157.666.477.873
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	11.775.093.814	(3.743.866.576)	-	8.031.227.238
Chi phí không phân bổ				(7.384.413.243)
Lợi nhuận thuần trước thuế				646.813.995
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				646.813.995
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	175.616.641.621	53.770.134.465	-	229.386.776.086
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				229.386.776.086
Công nợ bộ phận	88.907.256.441	1.633.134.759	-	90.540.391.200
Công nợ không phân bổ				74.491.228.886
Tổng công nợ				165.031.620.086
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	25.709.323.160	-	-	25.709.323.160
Khấu hao	5.607.392.927	1.465.725.268	-	7.073.118.195
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	148.182.847.246	7.552.041.163	-	155.734.888.409
Tổng doanh thu	148.182.847.246	7.552.041.163	-	155.734.888.409
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lỗ thuần trước thuế của bộ phận	870.586.572	108.364.003	-	978.950.575
Lỗ thuần trước thuế				978.950.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lỗ thuần sau thuế				978.950.575
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	180.067.519.549	26.449.484.662		206.517.004.211
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				206.517.004.211
Công nợ bộ phận	142.735.539.063	73.123.143	-	142.808.662.206
Công nợ không phân bổ				-
Tổng công nợ				142.808.662.206
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	5.610.706.993	20.000.000.000	-	25.610.706.993
Tài sản cố định hữu hình	5.031.585.806	-	-	5.031.585.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty con của Công ty ("Công ty con") có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty con chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty con hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2014 và Công ty con chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

30. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2016, Công ty đã thay đổi phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp và theo đó, Công ty đã trình bày lại các dữ liệu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo phương pháp gián tiếp.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Người lập
Đào Lan Tuyết



Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ



Tổng giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Licogi 166

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 36

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưởng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60992763/18490123

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.683.975.368	141.644.255.646
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	162.104.388	6.272.871.270
111	1. Tiền		162.104.388	1.444.871.270
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.828.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.200.000.000	950.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.200.000.000	950.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.138.434.544	116.148.711.967
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	66.122.025.450	78.014.338.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	29.242.863.640	27.543.669.169
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.244.223.667	11.061.382.703
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(470.678.213)	(470.678.213)
140	IV. Hàng tồn kho	8	43.936.232.664	17.631.857.505
141	1. Hàng tồn kho		43.936.232.664	17.631.857.505
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.247.203.772	640.814.904
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	398.400.140	640.814.904
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		848.803.632	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.232.473.119	64.799.625.422
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		447.407.263	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	447.407.263	-
220	II. Tài sản cố định		56.520.853.241	37.050.303.116
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	49.541.774.320	37.050.303.116
222	Nguyên giá		98.301.878.001	83.343.838.653
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(48.760.103.681)	(46.293.535.537)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	6.979.078.921	-
225	Nguyên giá		7.395.161.364	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(416.082.443)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.035.213.000	7.463.102.362
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.035.213.000	7.463.102.362
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	15.980.126.111	19.972.396.383
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.000.000.000	20.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.019.873.889)	(27.603.617)
260	V. Tài sản dài hạn khác		248.873.504	313.823.561
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	248.873.504	313.823.561
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.916.448.487	206.443.881.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		162.561.292.487	142.735.539.063
310	I. Nợ ngắn hạn		153.551.655.186	140.889.117.320
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	22.379.481.270	4.776.858.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	48.078.912.616	62.459.558.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		7.485.545	1.286.915.598
314	4. Phải trả người lao động		3.372.703.800	2.523.065.669
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	344.493.466	2.416.213.138
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.065.791.855	7.402.143.594
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	65.629.263.328	53.121.511.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	6.279.341.993	6.347.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	394.181.313	554.881.313
330	II. Nợ dài hạn		9.009.637.301	1.846.421.743
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	147.671.743
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	8.861.965.558	1.698.750.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.355.156.000	63.708.342.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	64.355.156.000	63.708.342.005
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	20.1	76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	-	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	5.990.880.189	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế	20.1	(17.635.724.189)	(29.071.374.527)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(18.282.538.184)	(30.050.325.102)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		646.813.995	978.950.575
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.916.448.487	206.443.881.068



Người lập
Đào Lan Tuyết



Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	162.962.297.218	155.734.888.409
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	162.962.297.218	155.734.888.409
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(143.134.403.756)	(140.427.928.212)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.827.893.462	15.306.960.197
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.731.329.708	307.176.364
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(11.376.683.515) (7.384.413.243)	(4.900.340.026) (4.872.736.409)
25	8. Chi phí bán hàng		-	(70.539.076)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(9.576.880.063)	(9.793.644.991)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		605.659.592	849.612.468
31	11. Thu nhập khác		45.454.545	129.338.107
32	12. Chi phí khác		(4.300.142)	-
40	13. Lợi nhuận khác		41.154.403	129.338.107
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		646.813.995	978.950.575
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		646.813.995	978.950.575

Người lập
Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		646.813.995	978.950.575
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính		6.238.773.035	5.031.585.806
03	Các khoản dự phòng		3.992.270.272	264.037.330
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.095.852)	1.063.485.528
06	Chi phí lãi vay	23	7.384.413.243	4.872.736.409
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.092.174.693	12.210.795.648
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.453.582.664	(31.641.578.706)
10	Tăng hàng tồn kho		(26.304.375.159)	(3.389.008.328)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(993.115.569)	39.765.390.478
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		307.364.821	(376.484.655)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.359.308.108)	(4.860.703.161)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(65.739.762)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(5.869.416.420)	11.708.411.276
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.697.736.500)	(15.168.751.452)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		45.454.545	1.490.909.090
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.200.000.000)	(950.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		950.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		124.641.307	128.220.448
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(11.777.640.648)	(14.499.621.914)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		113.088.567.210	103.824.496.685
34	Tiền trả nợ gốc vay		(98.524.062.415)	(97.388.366.066)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.028.214.609)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.536.290.186	6.436.130.619

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.110.766.882)	3.644.919.981
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.272.871.270	2.627.951.289
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	162.104.388	6.272.871.270



Người lập
Đào Lan Tuyết



Kế toán trưởng
Hà Thị Huê



Tổng Giám đốc
Vũ Công Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 98 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 90 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này là được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cúp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 27 tháng 3 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Nguyên tắc kế toán cơ bản

Công ty có khoản lỗ lũy kế là 17.635.724.189 đồng Việt Nam. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 153.551.655.186 đồng Việt Nam đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 867.679.818 đồng Việt Nam. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh mà không có sự gián đoạn nào trong năm 2017.

Trên cơ sở này, báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước và hàng hóa

Chi phí xây lắp dở dang - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thầu phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Máy móc thuê tài chính	3 năm

Khấu hao của các tài sản cố định liên quan tới hoạt động khai thác mỏ đá được trích theo khối lượng đá khai thác (cụ thể là tính theo sản lượng đá khai thác thực tế trong năm trên tổng sản lượng được cấp phép khai thác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	72.608.065	129.907.658
Tiền gửi ngân hàng	89.496.323	1.314.963.612
Các khoản tương đương tiền	-	4.828.000.000
TỔNG CỘNG	162.104.388	6.272.871.270

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, với kỳ hạn 1 năm và hưởng lãi suất 6%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	16.342.170.370	6.508.169.141
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	8.572.930.272	713.523.308
Công ty Cổ Phần Vinaconex 25 – Chi nhánh Đà Nẵng	2.918.463.292	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	2.408.675.508	3.763.029.256
Phải thu từ khách hàng khác	2.442.101.298	2.031.616.577
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	49.779.855.080	71.506.169.167
TỔNG CỘNG	66.122.025.450	78.014.338.308
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(470.678.213)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	7.052.132.884	8.452.132.884
Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	3.592.775.000
Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	2.981.927.360	3.183.424.874
Các nhà cung cấp khác	3.013.238.741	4.431.727.250
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	12.602.789.655	7.883.609.161
TỔNG CỘNG	29.242.863.640	27.543.669.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	7.421.473.491	-	10.147.586.083	-
Ký quỹ, ký cược	1.500.000.000	-	-	-
Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ của các khoản nợ thuế tài chính chưa thanh toán	561.984.159	-	-	-
Phải thu khác	760.766.017	-	913.796.620	-
TỔNG CỘNG	10.244.223.667	-	11.061.382.703	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	447.407.263	-	-	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.454.974.538	-	1.085.492.571	-
Công cụ, dụng cụ	109.022.319	-	125.245.319	-
Công trình xây lắp dở dang (*)	42.372.235.807	-	16.421.119.615	-
TỔNG CỘNG	43.936.232.664	-	17.631.857.505	-

(*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính riêng bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Công trình	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hạ Long – Vân Đồn	21.034.360.936	2.201.259.323
Quốc lộ 38	14.694.163.961	-
Bê tông đỉnh đập – Bản Chát	3.871.872.319	3.871.872.319
Kè bảo vệ Sông Hậu	2.446.199.025	2.443.550.208
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	312.339.566	7.824.333.639
Cổng hợp Long Biên	13.300.000	-
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	-	80.104.126
TỔNG CỘNG	42.372.235.807	16.421.119.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	8.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	83.343.838.653
- Mua trong năm	-	13.091.310.161	5.222.851.635	-	18.314.161.796
- Thanh lý	-	(2.012.100.950)	(1.002.476.118)	(341.545.380)	(3.356.122.448)
Số cuối năm	8.554.256.647	74.864.891.793	14.833.829.561	48.900.000	98.301.878.001
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
- Khấu hao trong năm	214.402.277	4.556.454.255	1.042.054.060	9.780.000	5.822.690.592
- Thanh lý	-	(2.012.100.950)	(1.002.476.118)	(341.545.380)	(3.356.122.448)
Số cuối năm	1.715.218.205	36.866.944.438	10.136.063.323	41.877.715	48.760.103.681
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	37.050.303.116
Số cuối năm	6.839.038.442	37.997.947.355	4.697.766.238	7.022.285	49.541.774.320

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 35.754.950.083 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 34.346.422.276 VND) được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc, thiết bị

Nguyên giá:

Số đầu năm	-
Thuê trong năm	7.395.161.364
Số cuối năm	7.395.161.364

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	416.082.443
Số cuối năm	416.082.443

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	-
Số cuối năm	6.979.078.921

Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016 và 13 tháng 6 năm 2016. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 17.3.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	-	6.427.889.362
TỔNG CỘNG	1.035.213.000	7.463.102.362

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế và biểu quyết (%)</i>		<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế và biểu quyết (%)</i>
<i>Tên công ty</i>	<i>Giá trị (VND)</i>		<i>Giá trị (VND)</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(4.019.873.889)		(27.603.617)	
GIÁ TRỊ THUẦN	15.980.126.111		19.972.396.383	

Xem chi tiết thông tin về công ty con của Công ty tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	191.837.797	387.483.002
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	65.250.000	62.800.000
Chi phí sửa chữa máy móc	-	148.356.333
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.312.343	42.175.569
TỔNG CỘNG	398.400.140	640.814.904
Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	121.500.000	233.300.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	127.373.504	80.523.561
TỔNG CỘNG	248.873.504	313.823.561

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đối tượng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây lắp thủy sản Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng	3.447.931.000	3.447.931.000	-	-
Công ty Cổ phần JITTA	2.149.281.750	2.149.281.750	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Sơn Hà	1.720.176.731	1.720.176.731	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	202.215.117	202.215.117	662.215.117	662.215.117
Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hưng Thịnh	-	-	1.416.208.880	1.416.208.880
Các nhà cung cấp khác	14.022.683.832	14.022.683.832	2.231.209.282	2.231.209.282
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	837.192.840	837.192.840	467.225.138	467.225.138
TỔNG CỘNG	22.379.481.270	22.379.481.270	4.776.858.417	4.776.858.417

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	48.062.532.370	62.166.635.400
Đối tượng khác	16.380.246	292.922.817
TỔNG CỘNG	48.078.912.616	62.459.558.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay trích trước	114.656.589	89.551.454
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê-tông	229.836.877	2.326.661.684
TỔNG CỘNG	344.493.466	2.416.213.138

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản ứng trước từ Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	819.379.893	1.412.501.007
Bảo hiểm xã hội, y tế	612.701.835	157.885.010
Kinh phí công đoàn	372.481.934	363.231.038
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	355.874.520	304.591.035
Cổ tức phải trả	38.158.600	39.070.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.167.195.073	1.424.864.904
TỔNG CỘNG	7.065.791.855	7.402.143.594
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>2.839.368.151</i>	<i>3.642.945.028</i>
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	<i>4.226.423.704</i>	<i>3.759.198.566</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	49.460.261.200	49.460.261.200	104.881.567.210	(94.449.562.415)	59.892.265.995	59.892.265.995	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	5.197.461.942	(3.028.214.609)	2.169.247.333	2.169.247.333	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.661.250.000	3.661.250.000	3.981.000.000	(4.074.500.000)	3.567.750.000	3.567.750.000	
TỔNG CỘNG	53.121.511.200	53.121.511.200	114.060.029.152	(101.552.277.024)	65.629.263.328	65.629.263.328	
Vay dài hạn							
Nợ thuê tài chính	-	-	8.134.677.500	(5.197.461.942)	2.937.215.558	2.937.215.558	
Vay ngân hàng	1.698.750.000	1.698.750.000	8.207.000.000	(3.981.000.000)	5.924.750.000	5.924.750.000	
TỔNG CỘNG	1.698.750.000	1.698.750.000	16.341.677.500	(9.178.461.942)	8.861.965.558	8.861.965.558	

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Kỳ hạn vay 8 -9 tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 31 tháng 5 năm 2017	9,2%-10%	Nhà văn phòng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải	
TỔNG CỘNG				59.892.265.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND				
Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.880.000.000	48 tháng, đáo hạn lần cuối vào quý IV năm 2019	11% - 12%	Máy móc, thiết bị
	3.343.750.000	48 tháng, đáo hạn lần cuối vào quý IV năm 2019	10,5%	Máy móc, thiết bị
	1.968.750.000	48 tháng, đáo hạn lần cuối vào quý II năm 2019	10,9%	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	300.000.000	36 tháng, đáo hạn lần cuối ngày 28 tháng 1 năm 2019.	7,5%	Phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	9.492.500.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	3.567.750.000			
Vay dài hạn	5.924.750.000			

17.3 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND						
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	2.541.914.916	372.667.583	2.169.247.333	-	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	3.129.788.024	192.572.466	2.937.215.558	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.671.702.940	565.240.049	5.106.462.891	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Số đầu năm	6.347.970.174
Sử dụng trong năm	(68.628.181)
Số cuối năm	<u>6.279.341.993</u>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dư dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	554.881.313	1.159.329.313
Chi trong năm	(160.700.000)	(604.448.000)
Số cuối năm	<u>394.181.313</u>	<u>554.881.313</u>

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	978.950.575	978.950.575
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Năm nay					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	646.813.995	646.813.995
- Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ (*)	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	10.788.836.343	-
Số cuối năm	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.635.724.189)	64.355.156.000

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2015 của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và một phần quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	76.000.000.000	76.000.000.000	83.616.480.409	83.616.480.409

20.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	162.962.297.218	155.734.888.409
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	155.772.894.981	146.599.812.086
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.339.557.456	1.583.035.160
Doanh thu bán hàng	1.849.844.781	7.552.041.163
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	162.962.297.218	155.734.888.409
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên thứ ba	70.009.268.496	23.199.176.594
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	92.953.028.722	132.535.711.815

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	1.492.637.373
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	155.772.894.981	145.107.174.713
TỔNG CỘNG	155.772.894.981	146.599.812.086
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối năm	308.754.541.730	152.981.646.749

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và thu nhập tài chính khác	124.641.307	307.176.364
Lãi trả chậm từ khách hàng (*)	1.606.688.401	-
TỔNG CỘNG	1.731.329.708	307.176.364

(*) Đây là phần lãi trả chậm mà Công ty được hưởng tính trên nợ phải thu liên qua đến Công trình Thủy điện Bản Chát mà Công ty Cổ phần Licogi 16 (cổ đông chính của Công ty) chậm trả, dựa trên Biên bản làm việc ngày 16 tháng 4 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Licogi 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	135.986.847.815	131.807.907.072
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.322.661.802	1.176.343.980
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.824.894.139	7.443.677.160
TỔNG CỘNG	143.134.403.756	140.427.928.212

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	7.384.413.243	4.872.736.409
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	3.992.270.272	27.603.617
TỔNG CỘNG	11.376.683.515	4.900.340.026

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	5.810.532.470	5.522.665.862
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.766.347.593	4.270.979.129
TỔNG CỘNG	9.576.880.063	9.793.644.991

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	105.474.418.913	87.686.220.956
Chi phí nhân công	16.988.922.053	15.464.484.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.238.773.035	5.031.585.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.207.656.012	38.464.216.246
Chi phí khác	4.752.629.998	3.645.604.867
TỔNG CỘNG	178.662.400.011	150.292.112.279

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	646.813.995	978.950.575
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm 2015: 22%)	129.362.799	215.369.126
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	40.800.000	44.880.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	860.028	-
Điều chỉnh theo kết quả thanh tra thuế	-	787.470.074
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lỗi năm trước chuyển sang	(171.022.827)	(1.047.719.200)
Chi phí thuế TNDN	-	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 32.083.992.012 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 32.939.106.149 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		Đơn vị tính: VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2014	2019	37.701.466.149	5.617.474.137	-	32.083.992.012
TỔNG CỘNG		37.701.466.149	5.617.474.137	-	32.083.992.012

(*) Lỗ tính thuế chuyển sang từ năm trước và được điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế ngày 29 tháng 11 năm 2016 cho kỳ tài chính đến hết năm 2015.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá	457.263.871	7.552.041.163
		Doanh thu xây lắp	87.199.945.506	123.609.148.108
		Lãi phạt trả chậm	1.606.688.401	-
		Doanh thu cho thuê thiết bị	-	1.374.522.544
		Phải thu chuyển sang từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	-	16.456.439.203
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Chi phí mua nguyên vật liệu	317.750.400	3.132.024.938
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	7.089.652.270	7.883.609.161
		Doanh thu cho thuê thiết bị và cung ứng vật tư	5.295.819.345	-
		Góp vốn bằng tài sản	-	20.000.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua, bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận trên hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2015: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	43.880.073.627	71.431.788.993
		Cho thuê thiết bị và cung ứng vật tư	5.825.401.279	-
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Licogi 166	Công ty con			
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	74.380.174
			49.779.855.080	71.506.169.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan *Mối quan hệ* *Nội dung nghiệp vụ* *Số cuối năm* *Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)

Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	12.602.789.655	7.883.609.161
			12.602.789.655	7.883.609.161

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)

Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Phải trả tiền cung cấp đá	837.192.840	-
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị (*)	-	467.225.138
			837.192.840	467.225.138

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)

Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	59.198.566
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị (*)	467.225.138	-
			4.226.423.704	3.759.198.566

(*) Lãi phạt trả chậm tiền mua thiết bị được phân loại lại từ phải trả người bán sang phải trả ngắn hạn khác trong năm 2016.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.236.278.937	1.125.813.001
TỔNG CỘNG	1.236.278.937	1.125.813.001

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận xây lắp thực hiện đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng và cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận khai thác và kinh doanh đã thực hiện khai thác và kinh doanh đã xây dựng.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bộ phận xây lắp	Bộ phận khai thác và kinh doanh đã	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	161.112.452.437	1.849.844.781	-	162.962.297.218
Tổng doanh thu	161.112.452.437	1.849.844.781	-	162.962.297.218
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	8.006.276.596	24.950.642	-	8.031.227.238
Chi phí không phân bổ				(7.384.413.243)
Lợi nhuận thuần trước thuế				646.813.995
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				646.813.995
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	189.922.382.052	36.994.066.435		226.916.448.487
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				226.916.448.487
Công nợ bộ phận	86.436.928.842	1.633.134.759		88.070.063.601
Công nợ không phân bổ				74.491.228.886
Tổng công nợ				162.561.292.487
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	25.709.323.160	-	-	25.709.323.160
Khấu hao	5.607.392.927	631.380.108	-	6.238.773.035
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	148.182.847.246	7.552.041.163	-	155.734.888.409
Tổng doanh thu	148.182.847.246	7.552.041.163	-	155.734.888.409
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lỗ thuần trước thuế của bộ phận	870.586.572	108.364.003	-	978.950.575
Lỗ thuần trước thuế				978.950.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lỗ thuần sau thuế				978.950.575
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	179.994.396.406	26.449.484.662		206.443.881.068
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				206.443.881.068
Công nợ bộ phận	142.735.539.063	-		142.735.539.063
Công nợ không phân bổ				-
Tổng công nợ				142.735.539.063
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	5.610.706.993	-	-	5.610.706.993
Tài sản cố định hữu hình	5.031.585.806	-	-	5.031.585.806
Khấu hao				-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2016, Công ty đã thay đổi phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp và theo đó, Công ty đã trình bày lại các dữ liệu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo phương pháp gián tiếp.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017